

Cơ chế “công ty” trong hoạt động khoa học của Nhật Bản

■ Đào Tiến Khoa

Trong dịp sang tham gia báo cáo tại hai hội nghị khoa học quốc tế tại Nhật Bản trong lĩnh vực Vật lý Hạt nhân, tôi đã tình cờ được biết qua tài liệu tự giới thiệu của một số viện nghiên cứu khoa học (NCKH) quốc gia Nhật Bản là các cơ sở NCKH và giáo dục đại học công lập của đất nước mặt trời mọc đã hoàn tất rất nhanh gọn từ hơn ba năm nay một cuộc chuyển đổi quản lý và vận hành từ cơ chế bao cấp sang cơ chế “công ty” tự chủ, tự chịu trách nhiệm rất gần với cơ chế đã được nêu ra trong nghị định 115 cho các tổ chức KH&CN của Việt Nam. Cụ thể, trong thời gian từ đầu tháng 4 năm 2004 cho đến nay tất cả các trường đại học tổng hợp công lập (89 trường) và các viện NCKH trong các lĩnh vực khoa học tự nhiên cũng như khoa học xã hội (18 viện) đã được chuyển sang hoạt động hoàn toàn theo cơ chế “công ty” (corporate status). Đây được coi như một cuộc cách mạng rất lớn trong việc quản lý khoa học và giáo dục đại học của Nhật Bản kể từ khi hệ thống các cơ sở này được chính thức đưa dưới quyền quản lý và điều hành của nhà nước cách đây khoảng 130 năm (thời đại Minh Trị). Trong khung cảnh tự chủ mới theo cơ chế công ty, các trường đại học và các viện NCKH được đặc biệt khuyến khích cùng hợp tác sao cho các hoạt động nghiên cứu khoa học được tiến hành dễ dàng và có hiệu quả cao nhất. Đây cũng là một trong những lý do chính tại sao chính phủ Nhật Bản đưa đồng thời các trường đại học tổng hợp và các viện NCKH quốc gia vào chung một cơ chế tự chủ trong quản lý và điều hành.

Để có được một quyền tự chủ hoạt động theo cơ chế “công ty”, các trường/viện trước khi chuyển đổi đã phải

có những cam kết rất cụ thể về các đóng góp của cơ sở này cho sự phát triển của KH&CN cũng như cho sự nghiệp giáo dục đào tạo đại học và trên đại học. Với mục đích theo dõi và kiểm tra điều hành chặt chẽ xem các trường/viện có thực sự thực hiện những cam kết của mình hay không, mỗi cơ sở đều có một hội đồng quản trị riêng với ít nhất một nửa số thành viên phải là người ngoài trường/viện. Việc tổng kết và báo cáo thành tựu nghiên cứu và đào tạo được hội đồng quản trị trực tiếp thực hiện sáu năm một lần. Báo cáo tổng kết sáu năm sẽ là cơ sở dữ liệu quan trọng nhất để chính phủ Nhật Bản thông qua khoản đầu tư cơ bản (ĐTCB) từ ngân sách nhà nước cho sáu năm tiếp theo. Điều đáng chú ý nhất là khoản ĐTCB từ phía nhà nước sẽ không tăng dần mà ngược lại sẽ giảm dần mỗi năm 1% trong trường hợp vận hành “công ty” bình thường. Như vậy, trong khi được một quyền tự chủ cao nhất trong việc chi khoản ĐTCB “bao cấp” từ ngân sách nhà nước, các cơ sở NCKH và giáo dục đại học sẽ bắt buộc phải tìm cách có được những nguồn thu khác để trang trải kinh phí cho những hoạt động ngày càng mở rộng của mình. Đối với các cơ sở NCKH thì đó sẽ phải là nguồn thu nhập từ bản quyền của những phát minh, sáng chế (patent licensing), nguồn thu từ những đề tài, đề án NCKH được “trúng thầu” trong các chương trình đầu tư trọng điểm của các công ty, tập đoàn công nghiệp lớn vào KHCN. Đặc biệt, đối với các nhà khoa học làm việc trong các lĩnh vực NCCB thì việc giảm dần ngân sách ĐTCB của nhà nước cho trường/viện

Nội dung cơ bản của cơ chế tự chủ “công ty” là quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm và độc lập tự chi khoản ĐTCB từ phía nhà nước (trong năm tự chủ đầu tiên khoản ĐTCB này bằng đúng 100% ngân sách quốc gia đã chi cho trường/viện trong năm bao cấp trước đó). Trường/viện có quyền trả lương cho các giáo sư, các nhà khoa học theo phán quyết riêng của mình, không phải theo qui chế áp dụng cho công chức nhà nước của Nhật Bản và do đó không có một giới hạn trên trong lương bổng đãi ngộ các chuyên gia đầu ngành. Ngoài ra, việc tuyển chọn nhân sự vào các vị trí quản lý, giảng dạy, nghiên cứu (kể cả vị trí lãnh đạo cao nhất của trường/viện) phải được tiến hành trên cơ sở cạnh tranh lành mạnh, minh bạch và công khai, không có sự phân biệt giữa công dân Nhật Bản và người có quốc tịch ngoại quốc và phải được quảng bá rộng rãi trên các phương tiện thông tin trong nước Nhật và quốc tế.



Riken là một trong những viện nghiên cứu lớn nhất của Nhật Bản, được nhà nước hỗ trợ kinh phí (760 triệu USD mỗi năm) nhưng tổ chức nghiên cứu này hoạt động theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

Mục tiêu cơ bản của cuộc chuyển đổi quản lý và vận hành các trường/viện công lập ở Nhật Bản là trao quyền tự chủ cao nhất cho các cơ sở trên để đạt được hiệu quả cao nhất trong NCKH và đào tạo đại học chứ hoàn toàn không có mục đích biến những cơ sở này nhanh chóng thành các tổ chức tự lo trang trải kinh phí qua cách tìm kiếm bán sản phẩm của mình trên một thị trường công nghệ hay giáo dục.

không có nghĩa là họ sẽ phải tìm làm những nghiên cứu ứng dụng khác để kiếm sống mà ngược lại, do đầu tư của chính phủ Nhật Bản vào NCCB vẫn đang ngày một tăng trong ngân sách đầu tư cho KH&CN quốc gia, họ có thể tham gia đấu thầu trong các chương trình NCCB lớn của các quỹ khoa học khác nhau để có được sự hỗ trợ còn dồi dào hơn so với thời “bao cấp” cách đây ba năm. Tóm lại, nếu như bạn là một nhà khoa học thực sự, đang nghiên cứu có kết quả tốt trong bất kỳ một lĩnh vực khoa học nào, thì cuộc chuyển đổi sang cơ chế “công ty” của trường/viện chắc chắn là bước tiến quan trọng sang một giai đoạn mới đầy hứa hẹn.

Nội dung chỉ đạo của Nghị định 115 của chính phủ về chuyển đổi sang quy chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức KH&CN Việt Nam cũng không có gì khác nhiều so với nội dung cơ bản của cuộc chuyển đổi của các trường đại học và viện NCKH công lập của Nhật Bản, chỉ cần một chương trình hành động rõ ràng và qui chế hợp lý không rườm rà các thủ tục hành chính như cuộc chuyển đổi

của Nhật Bản thì việc thực hiện Nghị định 115 của Việt Nam cũng chắc chắn sẽ đưa nền khoa học nước nhà sang một giai đoạn phát triển năng động và mạnh mẽ hơn, góp phần xứng đáng vào sự phát triển kinh tế và tri thức của đất nước. Qua kinh nghiệm của Nhật Bản, chúng ta cũng thấy việc thực hiện nghị định 115 sẽ dễ dàng hơn nhiều nếu cơ chế tự chủ của các cơ sở KH&CN của ta thực sự là một cơ chế “công ty” theo các qui định chung của luật doanh nghiệp (với những ưu đãi riêng về thuế cho các cơ sở NCKH). Nhìn ra thế giới thì ta thấy Nhật Bản tiến hành cuộc chuyển đổi cách đây ba năm thực ra cũng đã là muộn. Thí dụ như ở CHLB Đức, các phòng thí nghiệm, viện NCKH quốc gia đều có cơ chế chính thức là những công ty trách nhiệm hữu hạn từ nhiều thập kỷ qua (viết tắt là GmbH sau tên chính của phòng thí nghiệm), vận hành hoàn toàn theo qui định chung của luật doanh nghiệp CHLB Đức. Do đó, nếu chúng ta thực sự hội nhập trong cuộc chuyển đổi 115, mạnh dạn trao cơ chế công ty bình thường cho các cơ sở KH&CN công lập, thì chắc sẽ tránh được những bất cập, khó khăn và mâu thuẫn mà do chính những qui định chi tiết cụ thể riêng biệt về cơ chế tự chủ của các cơ sở KH&CN mang lại.

Một điều đáng nhắc đến nữa là mục tiêu cơ bản của cuộc chuyển đổi quản lý và vận hành các trường/viện công lập ở Nhật Bản là trao quyền tự chủ cao nhất cho các cơ sở trên để đạt được hiệu quả cao nhất trong NCKH và đào tạo đại học chứ hoàn toàn không có mục đích biến những cơ sở này nhanh chóng thành các tổ chức tự lo trang trải kinh phí qua cách tìm kiếm bán sản phẩm của mình trên một thị trường công nghệ hay giáo dục. Đây là một cách nhìn có tính sống còn đối với sự phát triển chung của nền khoa học và tri thức quốc gia, bởi vì áp đặt mục tiêu kinh doanh kiếm sống nhanh chóng lên bất kỳ một ngành KH&CN nào sẽ không tránh khỏi việc kết thúc sự tồn tại của những chương trình nghiên cứu KH&CN phức tạp trình độ cao và sự xuất hiện nhanh chóng của các đề án ứng dụng đơn giản “ít chất xám”, chưa nói đến sự gian dối trong NCKH mà chắc chắn sẽ ngày càng tăng. Chính sự nhấn mạnh mục tiêu “tự kinh doanh” trong các hướng dẫn cụ thể thực hiện chuyển đổi theo nghị định 115 đã đưa lại rất nhiều bàn cãi, tranh luận trong cộng đồng khoa học nước ta trong năm qua.

Quá trình phát triển KH&CN ở Việt Nam đã tất yếu đòi hỏi một cuộc chuyển đổi lớn theo tinh thần nghị định 115, tuy nhiên chúng ta có thật sự thành công hay không phụ thuộc rất nhiều vào sự hội nhập quốc tế trong cách làm của chính mình. □

Trích lược từ bài *Cơ chế “công ty” trong hoạt động KH&CN Nhật Bản: Kinh nghiệm cho việc thực hiện Nghị định 115* trên Tia Sáng số 12 ngày 20/6/2007